

## **LỜI GIỚI THIỆU**

Bản tin pháp luật tháng 01/2026 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các quy định của Tập đoàn đã ban hành.

- **Phần 2:** Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ đang lấy ý kiến; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến khi nhận được yêu cầu góp ý của Bộ.

- **Phần 3:** Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.*

*b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai văn bản quy phạm pháp luật.*

Ban Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

*Lưu ý: Bản tin chỉ trích dẫn một số nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, đề nghị các đơn vị, cá nhân tìm đọc chi tiết toàn văn văn bản.*

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

**Phần 1: Các quy chế, quy định, quy trình của Tập đoàn đã ban hành**

1. Quyết định số 3005/QĐ-VNPT-KTTC ngày 24/12/2025 Quy định cụ thể áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 1145086).

2. Quyết định số 3031/QĐ-VNPT-CN ngày 26/12/2025 Quy trình về quản lý chất lượng dữ liệu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 1114777).

3. Quyết định số 3050/QĐ-VNPT-CN ngày 29/12/2025 Quy định quản lý truy cập dữ liệu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 1163627).

4. Quyết định số 3052/QĐ-VNPT-NL ngày 29/12/2025 Quy trình tuyển dụng của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 1172560).

5. Quyết định số 3053/QĐ-VNPT-NL ngày 29/12/2025 Quy định quản lý và sử dụng Hệ thống Quản lý tuyển dụng VNPT của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 1172560).

6. Quyết định số 3060/QĐ-VNPT-CN ngày 31/12/2025 Quy định quản lý và điều hành an toàn thông tin, an ninh mạng (số eOffice: 1171935).

7. Quyết định số 30/QĐ-VNPT-KHĐT-NCPT ngày 07/01/2026 Khung định mức chi tiêu và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 1171867).

**Phần 2: Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của các Bộ lấy ý kiến**

STT	Tên Dự thảo	Ngày lấy ý kiến	Trách nhiệm nghiên cứu
<b>BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>			
1	Dự thảo Thông tư Ban hành mẫu hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	Ngày bắt đầu 24/12/2025  Ngày hết hạn 24/01/2026	Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)

2	Hồ sơ dự thảo Thông tư quy định chi tiết về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ngày bắt đầu 19/12/2025 Ngày hết hạn 19/01/2026	Ban Kế hoạch – Đầu tư, Phát triển thị trường (Tập đoàn)
3	Dự thảo Thông tư Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích	Ngày bắt đầu 17/12/2025 Ngày hết hạn 27/01/2026	Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)
<b>BỘ CÔNG AN</b>			
1	Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu	Ngày bắt đầu 31/12/2025 Ngày hết hạn 09/01/2026	Ban Pháp chế - Thanh tra, Công nghệ (Tập đoàn)
<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>			
1	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Ngày bắt đầu 06/1/2026 Ngày hết hạn 08/1/2026	Ban Nhân lực, Pháp chế - Thanh tra

*Đơn vị/cá nhân có góp ý đối với các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin gửi về Ban Pháp chế - Thanh tra (hoabq@vnpt.vn) để tổng hợp.*

**Phần 3: Các VBQPPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn**

## ***1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Quốc hội số 70/2025/QH15 ngày 14/6/2025***

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

### **Bổ sung nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn**

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi 2025 đã bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. Theo đó, tại điểm c khoản 2 Điều 10a quy định:

Tiêu chuẩn quốc gia đang được áp dụng trong hồ sơ, tài liệu, hợp đồng, dự án, thỏa thuận hoặc văn bản khác đã được phê duyệt, ký kết mà bị bãi bỏ thì tiêu chuẩn đó tiếp tục được áp dụng cho đến khi có yêu cầu thay thế bằng tiêu chuẩn khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc khi việc áp dụng tiêu chuẩn đó không còn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành.

### **Điều chỉnh yêu cầu về công bố hợp chuẩn**

Khoản 17 Điều 1 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật 2025 sửa đổi, bổ sung Điều 44 và Điều 45 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 như sau: Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các thông tin cụ thể sau đây:

- Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội;
- Tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng;
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội;
- Tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo.

### **Điều chỉnh quy định về công bố hợp quy**

Khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi 2025 đã sửa đổi, bổ sung Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.

Theo đó, khoản 2, Điều 48 đã bổ sung quy định về miễn thực hiện công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý chất lượng theo quy định của luật khác tương ứng với yêu cầu kỹ thuật tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các thông tin cụ thể sau đây:

- Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội;

- Tên, số hiệu quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, Kế hoạch – Đầu tư, Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

**2. Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025**

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Chính sách ưu đãi nổi bật dành cho công nghiệp công nghệ số

- Các ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư gồm: Sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm, phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI), sản xuất chip bán dẫn, xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo, sản xuất sản phẩm phần mềm.

- Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có quy mô đầu tư lớn thuộc đối tượng dự án ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại Luật Đầu tư thì được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; đất đai và pháp luật khác có liên quan, pháp luật về hải quan (khoản 3, 5 Điều 28).

- Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thì được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Nhà nước được quyền đặt hàng nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ số (Điều 31).

- Miễn, giảm học phí, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn cho sinh viên ngành công nghệ số; Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân cho nhân lực công nghệ số chất lượng cao (Điều 19, 49).

Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về dữ liệu số trong hoạt động công nghiệp công nghệ số

Theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp bắt buộc phải:

- Tuân thủ pháp luật về dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng (Điều 10);

- Không được gây cản trở thương mại hoặc gây khó khăn kỹ thuật nhằm hạn chế người dùng chuyển dữ liệu sang nền tảng khác (khoản 2 Điều 26);

- Đảm bảo chất lượng dữ liệu: chính xác, đầy đủ, thống nhất, có thể truy xuất (Điều 27);

Các khoản chi cho nghiên cứu và phát triển công nghệ số được tăng mức chi bổ sung khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

Một trong những điểm mới nổi bật của Luật Công nghiệp công nghệ số là việc cho phép doanh nghiệp được tăng mức trừ thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với chi phí nghiên cứu và phát triển công nghệ số. Đây là cơ chế tài chính khuyến khích đổi mới sáng tạo rất đáng chú ý từ năm 2026. Cụ thể, theo khoản 4 Điều 16 Luật Công nghiệp công nghệ số, các khoản chi cho nghiên cứu và phát triển công nghệ số của doanh nghiệp sẽ được tăng mức chi bổ sung khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, Chiến lược sản phẩm, Kế toán – Tài chính (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

**3. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025**

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Nội dung chi tiết của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và những điểm mới so với Nghị định số

13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được phổ biến tại công văn số 7279/VNPT-PCTT-TL ngày 08/9/2025 (số eoffice 74859) và đăng tải lên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn/>, chuyên mục “Bản tin pháp luật”.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Các Ban và Văn phòng Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

**4. Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025**

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Định nghĩa về trí tuệ nhân tạo (AI):

Trí tuệ nhân tạo là việc thực hiện bằng điện tử các năng lực trí tuệ của con người, bao gồm học tập, suy luận, nhận thức, phán đoán và hiểu ngôn ngữ tự nhiên.

Hệ thống trí tuệ nhân tạo là hệ thống dựa trên máy, được thiết kế để thực hiện các năng lực AI với mức độ tự chủ khác nhau và có khả năng tự thích nghi sau khi triển khai, tạo ra các đầu ra như dự đoán, nội dung, khuyến nghị hoặc quyết định có thể ảnh hưởng đến môi trường vật lý hoặc môi trường ảo.

Nguyên tắc hoạt động AI:

- AI phải lấy con người làm trung tâm, bảo đảm quyền con người, quyền riêng tư, an ninh quốc gia và tuân thủ pháp luật.

- AI không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người. Người vận hành luôn phải giữ quyền kiểm soát và khả năng can thiệp vào mọi quyết định do hệ thống AI tạo ra, đồng thời đảm bảo an toàn hệ thống và an ninh dữ liệu.

- AI phải bảo đảm công bằng, minh bạch và không thiên lệch. Tổ chức, cá nhân sử dụng AI có trách nhiệm phát hiện và ngăn ngừa các sai lệch, phân biệt đối xử, đồng thời phải có khả năng giải trình khi hệ thống đưa ra quyết định.

- Khuyến khích AI phát triển theo hướng xanh, tiết kiệm năng lượng và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

### 3 mức độ rủi ro của hệ thống trí tuệ nhân tạo

Theo Điều 9 Luật AI 2025, hệ thống AI được phân loại theo ba mức rủi ro nhằm áp dụng nghĩa vụ quản lý tương ứng.

- AI rủi ro cao là các hệ thống có khả năng gây thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe, quyền con người, an ninh quốc gia hoặc lợi ích công cộng. Đây là nhóm phải chịu cơ chế giám sát và đánh giá nghiêm ngặt nhất.

- AI rủi ro trung bình là các hệ thống có khả năng gây nhầm lẫn hoặc thao túng người sử dụng, đặc biệt khi người dùng không nhận biết được rằng họ đang tương tác với AI. Các ứng dụng có nguy cơ tác động đến hành vi hoặc nhận thức nằm trong nhóm này.

- AI rủi ro thấp là những hệ thống không thuộc hai loại trên, thường là công cụ hỗ trợ đơn giản hoặc có phạm vi tác động nhỏ.

Tiêu chí phân loại dựa trên mức độ ảnh hưởng đến quyền con người, an toàn, an ninh, lĩnh vực sử dụng và quy mô tác động. Chính phủ sẽ hướng dẫn chi tiết cách phân loại và xây dựng danh mục hệ thống cụ thể.

### Âm thanh, hình ảnh, video do AI tạo ra bắt buộc gắn dấu hiệu nhận biết

Điều 11 của Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 quy định rõ trách nhiệm minh bạch khi phát triển và sử dụng AI. Nhà cung cấp phải bảo đảm người sử dụng nhận biết khi họ đang tương tác với hệ thống AI, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tất cả âm thanh, hình ảnh, video do AI tạo ra bắt buộc phải được gắn dấu hiệu nhận biết ở định dạng máy đọc nhằm phân biệt với nội dung thật, đây được xem là một giải pháp quan trọng để ngăn chặn deepfake. Khi bên triển khai cung cấp ra công chúng nội dung AI có khả năng gây nhầm lẫn về tính xác thực, họ phải thông báo rõ ràng và gắn nhãn phân biệt, đặc biệt với nội dung mô phỏng con người hoặc sự kiện thật. Riêng các tác phẩm nghệ thuật hoặc điện ảnh, việc gắn nhãn có thể linh hoạt hơn nhưng vẫn phải đảm bảo phân biệt với nội dung thật. Trách nhiệm minh bạch phải được duy trì trong toàn bộ thời gian cung cấp hệ thống hoặc nội dung.

Hệ thống AI rủi ro cao phải được đánh giá sự phù hợp chứng nhận trước khi vận hành

Điều 13 và 14 Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 quy định một hệ thống quản lý nghiêm ngặt dành cho AI rủi ro cao. Trước khi đưa vào sử dụng, hệ thống này phải được đánh giá sự phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu của Luật AI.

AI được hưởng mức ưu đãi cao nhất về khoa học công nghệ, công nghệ cao

Luật AI dành nhiều cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển hệ sinh thái công nghệ số.

- Điều 20 Luật quy định doanh nghiệp AI được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo pháp luật về khoa học công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số và đầu tư; đồng thời được tạo điều kiện tiếp cận hạ tầng tính toán, dữ liệu và môi trường thử nghiệm.

- Điều 21 quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), cho phép hệ thống AI mới được thử nghiệm trong môi trường rủi ro có kiểm soát, thậm chí được miễn hoặc giảm nghĩa vụ tuân thủ dựa trên kết quả thử nghiệm.

- Điều 22 thành lập Quỹ Phát triển Trí tuệ Nhân tạo Quốc gia - một quỹ tài chính ngoài ngân sách, có cơ chế linh hoạt và chấp nhận rủi ro trong đổi mới sáng tạo. Quỹ ưu tiên đầu tư hạ tầng AI, đào tạo nhân lực, phát triển công nghệ cốt lõi và phát triển doanh nghiệp trí tuệ nhân tạo.

Hệ thống cũ hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo Luật AI trước ngày 01/3/2027

Theo Điều 34, Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 có hiệu lực từ ngày 01/3/2026. Điều 35 quy định lộ trình chuyển tiếp dành cho hệ thống AI đã hoạt động trước thời điểm Luật có hiệu lực. Theo đó, các hệ thống AI trong lĩnh vực y tế, giáo dục và tài chính có thời hạn 18 tháng để hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo Luật AI, tức phải tuân thủ trước ngày 01/9/2027. Các hệ thống trong lĩnh vực khác có thời hạn 12 tháng, tức hoàn thành trước ngày 01/3/2027.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

VNPT AI nghiên cứu thực hiện.

**5. Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và thay thế Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

#### Đối tượng áp dụng

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, bao gồm:

+ Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này.

#### Mức lương tối thiểu

- Quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau:

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)
Vùng I	5.310.000	25.500
Vùng II	4.730.000	22.700
Vùng III	4.140.000	20.000
Vùng IV	3.700.000	17.800

- Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Việc áp dụng địa bàn vùng được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động như sau:

+ Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

+ Người sử dụng lao động có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

+ Người sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất.

+ Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên hoặc chia thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn trước khi thay đổi tên hoặc chia cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

+ Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Nhân lực (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

### ***6. Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích***

Nghị định có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2026.

#### *a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Nghị định số 295/2025/NĐ-CP quy định chi tiết về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông. Nguyên tắc hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích như sau:

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho người dân tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông phổ cập tiếp cận, sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu; đảm bảo thông tin liên lạc trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp doanh nghiệp viễn thông đang thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định mà có doanh nghiệp viễn thông thứ hai trở lên tham gia cung cấp cùng loại dịch vụ ở khu vực đó thì doanh nghiệp đang thực hiện hợp đồng tiếp tục được hỗ trợ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng.

- Doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập phải đáp ứng yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này; phần doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn (nếu có) so với các yêu cầu của Nhà nước thì doanh nghiệp tự bù đắp chi phí.

- Doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải phù hợp với phạm vi, nhiệm vụ của chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; khi doanh thu phát sinh không đủ bù đắp chi phí và phải thông qua các phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này.

- Đối với các khoản chi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành định mức chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, việc hỗ trợ doanh nghiệp bù đắp chi phí phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo các phương thức đấu thầu, đặt hàng không được vượt quá định mức chi phí liên quan; đồng thời, việc hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải đảm bảo không trùng lặp với chính sách hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, không trùng lặp về nguồn kinh phí bù đắp chi phí của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này;

- Việc hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, tiết kiệm, đúng quy định về phòng chống tham nhũng, tiêu cực, không có lợi ích nhóm.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Kế toán – Tài chính (Tập đoàn), VNPT-VinaPhone nghiên cứu thực hiện.

**7. Nghị định số 310/2025/NĐ-CP ngày 02/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Mở rộng phạm vi vi phạm hành chính về thuế

Điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định 310/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung định nghĩa vi phạm hành chính về thuế tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 125/2020/NĐ-CP như sau:

*“Vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi do tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu (tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; các khoản thu theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp) mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.”*

So với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 125/2020/NĐ-CP, quy định mới đã bổ sung đối tượng vi phạm là các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và các khoản thu theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Bổ sung trường hợp bất khả kháng để áp dụng khi xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

Quy định mới tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 310/2025/NĐ-CP đã bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 2 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP về trường hợp bất khả kháng như sau: thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, chiến tranh, bạo loạn, đình công hoặc sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và người nộp thuế không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Bổ sung đối tượng vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm về thuế tối thiểu toàn cầu

Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 310/2025/NĐ-CP bổ sung đối tượng vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm về thuế tối thiểu toàn cầu tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP như sau: *“Trường hợp theo quy định chống xói mòn cơ*

*sở thuế toàn cầu, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có nghĩa vụ đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, đơn vị hợp thành được Tập đoàn giao trách nhiệm gửi thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 có hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.”*

Điều chỉnh nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền khi có tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền khi có tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đã có sự điều chỉnh, theo đó chỉ cần có 02 tình tiết giảm nhẹ/tăng nặng là áp dụng mức tối thiểu/tối đa của khung hình phạt.

Thay đổi mức phạt đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm và hành vi không lập hóa đơn

- Mức phạt đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm là phạt cảnh cáo, phạt tiền tối thiểu 500 nghìn đồng đến tối đa là 70 triệu đồng tùy theo hành vi vi phạm.

- Mức phạt đối với hành vi không lập hóa đơn là phạt cảnh cáo, phạt tiền tối thiểu 1 triệu đồng đến tối đa là 80 triệu đồng tùy theo hành vi vi phạm.

Tăng thời hạn lập và gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử

Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 310/2025/NĐ-CP sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP như sau: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế điện tử hoặc thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử, cơ quan thuế lập và gửi 01 biên bản vi phạm hành chính điện tử cho người nộp thuế qua cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, kể cả trường hợp người nộp thuế nộp nhiều hồ sơ thuế (Trước đây theo quy định của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP, thời hạn này là 01 ngày làm việc).

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Văn phòng và Ban Kế toán Tài chính (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

**8. Nghị định số 318/2025/NĐ-CP ngày 12/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

### Đối tượng phải đăng ký lao động

Nghị định mở rộng phạm vi bao quát toàn diện thị trường lao động, theo đó, ba nhóm đối tượng phải thực hiện đăng ký lao động được xác định rõ, bao gồm:

- Nhóm thứ nhất gồm người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo Luật Bảo hiểm xã hội 2024.
- Nhóm thứ hai gồm người đang có việc làm nhưng không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- Nhóm thứ ba gồm người thất nghiệp (*là những người không có việc làm, đang tìm kiếm và sẵn sàng làm việc*).

### Trách nhiệm tự kê khai thông tin của người lao động

- Người lao động có trách nhiệm tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin. Người sử dụng lao động phải thu thập, cung cấp và cập nhật đầy đủ thông tin người lao động khi tuyển dụng, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ lao động.

- Thông tin đăng ký lao động được chuẩn hóa và mở rộng, gồm năm nhóm chính: (i) thông tin cá nhân cơ bản; (ii) thông tin về giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, chứng chỉ kỹ năng nghề và các chứng chỉ khác; (iii) thông tin về tình trạng việc làm và nhu cầu về việc làm; (iv) thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; (v) thông tin về đặc điểm, đặc thù (*như người khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an*).

### Trách nhiệm của người sử dụng lao động (Doanh nghiệp)

Theo quy định tại Nghị định, doanh nghiệp đóng vai trò là đầu mối quan trọng trong việc chuẩn hóa dữ liệu lao động:

- Trách nhiệm kê khai: doanh nghiệp phải thu thập, kê khai và cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về người lao động tại ba thời điểm: khi tuyển dụng, khi có thay đổi thông tin và khi chấm dứt quan hệ lao động.

- Đảm bảo tính trung thực: người sử dụng lao động phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện thủ tục liên thông: đối với nhân sự thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc, doanh nghiệp sẽ thực hiện đăng ký, điều chỉnh thông tin lao động tích hợp cùng lúc với quá trình nộp hồ sơ BHXH, giúp giảm thiểu thao tác trùng lặp.

- Quyền lợi khai thác dữ liệu: doanh nghiệp được quyền khai thác các thông tin trong cơ sở dữ liệu về những người lao động thuộc quyền quản lý của mình để phục vụ công tác quản trị nhân sự.

#### Về phương thức đăng ký: Chuyển đổi số toàn diện

Thủ tục đăng ký được đơn giản hóa tối đa thông qua nền tảng số:

- Đối với người lao động tham gia BHXH bắt buộc: người sử dụng lao động thực hiện đăng ký, điều chỉnh thông tin lao động đồng thời với khi làm thủ tục đăng ký tham gia BHXH. Dữ liệu sau khi được tiếp nhận sẽ tự động đồng bộ vào cơ sở dữ liệu quốc gia về người lao động.

- Đối với người lao động không thuộc diện bảo hiểm bắt buộc và người thất nghiệp, việc đăng ký được thực hiện hoàn toàn trực tuyến thông qua sàn giao dịch việc làm quốc gia tại [vieclam.gov.vn](http://vieclam.gov.vn) hoặc ứng dụng VNeID. Hệ thống tiếp nhận và phản hồi kết quả ngay sau khi hoàn tất kê khai.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Nhân lực (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu, thực hiện.

### **9. Nghị định số 337/2025/NĐ-CP ngày 24/12/2025 của Chính phủ quy định về hợp đồng lao động điện tử**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng cho người lao động, người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử.

## Hợp đồng lao động điện tử và nền tảng quản lý

Hợp đồng lao động điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu, có giá trị pháp lý như hợp đồng giấy. Nền tảng hợp đồng lao động điện tử do Bộ Nội vụ quản lý, cho phép quản lý tập trung dữ liệu và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

## Nguyên tắc và điều kiện giao kết hợp đồng

Việc giao kết hợp đồng lao động điện tử phải tuân thủ các quy định về lao động, giao dịch điện tử, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Hợp đồng phải được gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu và khuyến khích sử dụng thay thế hợp đồng giấy.

## Chủ thể và điều kiện tham gia

Người lao động và người sử dụng lao động có thẩm quyền giao kết hợp đồng theo quy định. Nhà cung cấp eContract phải đáp ứng các điều kiện về công nghệ, bảo mật và chứng thực thông điệp dữ liệu.

## Hiệu lực của Hợp đồng lao động điện tử và chuyển đổi hợp đồng

Hợp đồng lao động điện tử có hiệu lực từ khi bên sau cùng ký số và được chứng thực. Hợp đồng giấy có thể chuyển đổi sang hợp đồng điện tử và ngược lại, đảm bảo giá trị pháp lý tương đương.

## Xây dựng và quản lý Nền tảng hợp đồng lao động điện tử

Nền tảng này được xây dựng để lưu trữ, quản lý và khai thác dữ liệu hợp đồng lao động điện tử. Dữ liệu được thu thập từ nhiều nguồn và phải tuân thủ các quy định về bảo mật và an toàn thông tin.

## Trách nhiệm của người sử dụng lao động

Người sử dụng lao động có những trách nhiệm như: Thực hiện việc giao kết, sửa đổi, bổ sung, tạm hoãn và chấm dứt hợp đồng lao động điện tử theo quy định; Lưu trữ và bảo mật dữ liệu hợp đồng lao động điện tử, bảo đảm tính toàn vẹn và khả năng truy xuất khi cần thiết; Phối hợp với Nhà cung cấp hợp đồng điện tử và cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, xác minh thông tin và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hợp đồng lao động điện tử; Tổ chức hướng dẫn, đào tạo, cung cấp các

phương tiện, điều kiện để hỗ trợ người lao động giao kết, thực hiện hợp đồng lao động điện tử; sử dụng, truy cập hợp đồng lao động điện tử trên Nền tảng hợp đồng lao động điện tử...

### Thời điểm thực hiện giao kết hợp đồng điện tử

Chậm nhất là ngày 01/7/2026, nền tảng hợp đồng lao động điện tử phải được chính thức đưa vào vận hành. Việc giao kết, thực hiện hợp đồng lao động điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định này từ ngày 01/7/2026.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Nhân lực (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

### **10. Nghị định số 354/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về khu công nghệ số tập trung**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đến việc đầu tư, thành lập, mở rộng, công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung, cũng như các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh trong các khu này.

#### Phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung

Phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung là một phần của quy hoạch vùng và hạ tầng thông tin và truyền thông. Nội dung này bao gồm định hướng, phân bổ không gian, mục tiêu, chức năng và giải pháp phát triển khu công nghệ số tập trung. Việc phát triển các khu này cần phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch tỉnh.

#### Tiêu chí của khu công nghệ số tập trung

Khu công nghệ số tập trung phải có chức năng nghiên cứu, phát triển, sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ số, đào tạo nhân lực, và cung cấp hạ tầng công nghiệp công nghệ số. Các khu này cần có hạ tầng số hiện đại, hạ tầng cấp điện và nước ổn định, và áp dụng tiêu chuẩn an ninh mạng. Diện tích tối thiểu của khu là 5 héc-ta, với ít nhất 2.000 nhân lực công nghiệp công nghệ số.

### Thành lập và mở rộng khu công nghệ số tập trung

Việc thành lập và mở rộng khu công nghệ số tập trung phải phù hợp với chính sách phát triển công nghệ số của Nhà nước, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, và quy hoạch sử dụng đất. Các khu này cần đáp ứng các tiêu chí về quy mô diện tích và quy hoạch phân khu chức năng.

### Công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung

Khu chức năng được công nhận là khu công nghệ số tập trung khi đáp ứng các tiêu chí về chức năng, quy mô diện tích, và quy hoạch phân khu chức năng. Quy trình công nhận bao gồm việc nộp hồ sơ đề nghị, thẩm định và quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ (Tập đoàn) nghiên cứu thực hiện.

### ***11. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân***

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Thay đổi Danh mục dữ liệu cá nhân cơ bản

Danh mục dữ liệu cá nhân cơ bản được Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định tại Điều 3. So với Danh mục được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân (“Nghị định số 13/2023/NĐ-CP”), quy định mới có một số thay đổi như sau:

- Số Chứng minh nhân dân được thay thế bằng Căn cước; “Số mã số thuế cá nhân; số BHXH; số thẻ BHYT” được thay thế bằng số định danh cá nhân; Thông tin về mối quan hệ gia đình bao gồm cả “vợ” và “chồng”; Không còn có “dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng” (dữ liệu này được Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định là dữ liệu cá nhân nhạy cảm).

#### Thay đổi Danh mục dữ liệu cá nhân nhạy cảm

So với Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, Nghị định số 356/2025/NĐ-CP chỉnh sửa, bổ sung và cụ thể hóa các dữ liệu cá nhân nhạy cảm như: Dữ liệu vi phạm pháp luật của cá nhân; Dữ liệu theo dõi hành vi, hoạt động sử dụng dịch vụ viễn thông, mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến và các dịch vụ khác trên không gian mạng; Dữ liệu trong lĩnh vực ngân hàng được quy định cụ thể hơn (bao gồm: Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập của tài khoản ngân hàng; thông tin thẻ ngân hàng, dữ liệu về lịch sử giao dịch của tài khoản ngân hàng...).

#### Án định thời hạn phản hồi - xử lý yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân

Nghị định số 13/2023/NĐ-CP chỉ quy định mốc thời gian là 72 giờ cho các trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện yêu cầu của chủ thể dữ liệu, Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định rất rõ về quy trình như sau:

- Trong vòng 02 ngày làm việc, bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân phải phản hồi cho chủ thể dữ liệu về yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân, hạn chế xử lý phản đối xử lý dữ liệu cá nhân; yêu cầu xem, chỉnh sửa, cung cấp dữ liệu cá nhân; Yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân.

- Trường hợp chủ thể yêu cầu ngừng xử lý/rút lại đồng ý/hạn chế/phản đối: thực hiện trong 15 ngày (nếu liên quan bên xử lý/bên thứ ba là 20 ngày).

- Trường hợp chủ thể yêu cầu xem/chỉnh sửa/cung cấp dữ liệu cá nhân: thực hiện trong 10 ngày (nếu liên quan bên xử lý/bên thứ ba: 15 ngày).

- Trường hợp chủ thể yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân: thực hiện trong 20 ngày (nếu liên quan bên xử lý/bên thứ ba: 30 ngày).

Ngoài ra, Nghị định số 356/2025/NĐ-CP cũng có cơ chế gia hạn 01 lần tùy mức độ phức tạp, kèm nghĩa vụ giải trình tính cần thiết/hợp lý (khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP).

Phải lưu trữ sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân; cấm thiết lập “mặc định” đồng ý

Khoản 2, khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 356/2025/NĐ-CP nhấn mạnh:

*“2. Bên kiểm soát dữ liệu, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân phải lưu trữ sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Trong trường hợp có tranh chấp, trách nhiệm chứng minh sự đồng ý của chủ thể dữ liệu thuộc về bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân.”*

*3. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân không được thiết lập phương thức mặc định đồng ý hoặc tạo ra các chỉ dẫn không rõ ràng, gây hiểu lầm giữa đồng ý và không đồng ý cho chủ thể dữ liệu. Các thiết lập mặc định sẵn có phải đảm bảo nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng các quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân”.*

Đây là những yêu cầu mới mà Nghị định số 13/2023/NĐ-CP chưa có quy định.

Quy định chi tiết về “chuyển giao dữ liệu cá nhân”

Nghị định số 356/2025/NĐ-CP dành hẳn Điều 7 hướng dẫn chi tiết về việc chuyển giao dữ liệu cá nhân

- Phải xác lập thỏa thuận chuyển giao và liệt kê tối thiểu các nội dung (mục đích; loại dữ liệu; thời hạn; cơ sở pháp lý; trách nhiệm bảo vệ; trách nhiệm thực hiện quyền chủ thể; phối hợp khi vi phạm...).

- Chuyển giao dữ liệu nhạy cảm: yêu cầu bảo mật vật lý, mã hóa/ẩn danh, biện pháp khác.

- Trường hợp chuyển giao có thu phí để cung cấp dịch vụ/ phục vụ lợi ích hợp pháp của chủ thể: Phải thiết lập hệ thống kỹ thuật, cơ chế minh bạch để chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý chính xác, rõ ràng theo từng lần chuyển giao; Chỉ được xử lý dữ liệu cá nhân đúng cho mục đích chuyển giao được chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý, phù hợp với ngành, nghề đăng ký kinh doanh...

- Chia sẻ dữ liệu cá nhân trong nội bộ: phải xây dựng quy trình kiểm soát việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu cá nhân đúng quy định.

- Dữ liệu cá nhân phải khử nhận dạng trước khi giao dịch trên sàn dữ liệu.

Quy định các dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân phải xin giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- Dịch vụ cung cấp và vận hành hệ thống, phần mềm tự động để thay mặt bên kiểm soát, bên kiểm soát và xử lý tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân.
- Dịch vụ chăm sóc, xếp hạng, đánh giá mức độ tín nhiệm của chủ thể dữ liệu cá nhân.
- Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân trực tuyến từ trang web, ứng dụng, phần mềm và mạng xã hội.
- Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân qua trang web, ứng dụng, phần mềm chăm sóc sức khỏe, theo dõi sức khỏe, dịch vụ y tế.
- Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân qua ứng dụng, phần mềm giáo dục có yếu tố giám sát như điểm danh, ghi hình, chấm điểm hành vi, nhận diện cảm xúc.
- Dịch vụ phân tích và khai thác dữ liệu cá nhân, gồm: sử dụng các công cụ phân tích để tìm kiếm thông tin, xu hướng và mẫu từ dữ liệu cá nhân; áp dụng các phương pháp khai thác dữ liệu để trích xuất giá trị từ dữ liệu cá nhân, dự đoán hành vi người dùng hoặc tối ưu hóa dịch vụ.
- Dịch vụ mã hóa dữ liệu cá nhân trong quá trình truyền tải và lưu trữ.
- Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân tự động dựa trên công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo.
- Dịch vụ nền tảng ứng dụng cung cấp dữ liệu vị trí cá nhân.

Yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong từng lĩnh vực

Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định cụ thể về các yêu cầu đối với bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực: Xử lý dữ liệu lớn; Hệ thống trí tuệ nhân tạo, vũ trụ ảo; Công nghệ chuỗi khối; Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong điện toán đám mây.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Văn phòng, các Ban (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

**12. Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2025

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Nội dung chi tiết của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đã được phổ biến tại công văn số 34/VNPT-PCTT-TL ngày 05/01/2026 (số eoffice 3903) và đăng tải lên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn/>, chuyên mục “Bản tin pháp luật”.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Văn phòng, các Ban (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

**13. Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định một số nội dung về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Nội dung chi tiết của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đã được phổ biến tại công văn số 34/VNPT-PCTT-TL ngày 05/01/2026 (số eoffice 3903) và đăng tải lên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn/>, chuyên mục “Bản tin pháp luật”.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Văn phòng, các Ban (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

**14. Thông tư số 19/2025/TT-BKHCN ngày 06/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm toán kỹ thuật chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

### Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định chi tiết về hoạt động kiểm toán kỹ thuật được quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.

### Đối tượng áp dụng

- Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động kiểm toán kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, quy trình cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử bảo đảm an toàn, chứng thư chữ ký điện tử bảo đảm an toàn, chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ tin cậy.

- Cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng chữ ký điện tử bảo đảm an toàn và chứng thư chữ ký điện tử bảo đảm an toàn được chủ động thực hiện kiểm toán kỹ thuật quy định tại Thông tư này để đánh giá hệ thống thông tin và quy trình cung cấp dịch vụ.

### Kiểm toán kỹ thuật và tổ chức kiểm toán

Kiểm toán kỹ thuật là hoạt động đánh giá độc lập, khách quan nhằm xác định việc đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Tổ chức kiểm toán kỹ thuật là các tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định pháp luật.

### Chu kỳ và phương pháp kiểm toán

Kiểm toán kỹ thuật được thực hiện định kỳ 2 năm/lần. Trong vòng 1 năm kể từ khi được cấp chứng thư chữ ký số, tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy phải hoàn thành kiểm toán kỹ thuật lần đầu ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Đối với các tổ chức được kiểm toán kỹ thuật có nhiều địa điểm hoạt động, việc kiểm toán kỹ thuật phải được thực hiện đánh giá tại trụ sở chính của tổ chức được kiểm toán kỹ thuật và có thể áp dụng mẫu địa điểm đại diện để đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực.

### Quy trình kiểm toán kỹ thuật

Quy trình kiểm toán bao gồm các bước: lập báo cáo đánh giá sơ bộ, xây dựng kế hoạch khắc phục, gửi kết quả khắc phục và bằng chứng, đánh giá kết quả khắc phục, và cấp giấy chứng nhận. Báo cáo kiểm toán kỹ thuật phải bao gồm thông tin về tổ chức được kiểm toán, mục tiêu, phạm vi, địa điểm kiểm toán, và các phát hiện đánh giá.

### Chi định tổ chức kiểm toán kỹ thuật

Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định các tổ chức kiểm toán kỹ thuật và công khai danh sách trên cổng thông tin điện tử của Bộ. Các tổ chức này có trách nhiệm thực hiện kiểm toán kỹ thuật theo quy định pháp luật và đảm bảo tính khách quan, độc lập trong quá trình kiểm toán.

### Trách nhiệm của tổ chức được kiểm toán kỹ thuật

- Trong thời gian tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm toán kỹ thuật, gửi kết quả kiểm toán kỹ thuật đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) để phục vụ công tác quản lý;

- Bảo đảm tính liên tục về hiệu lực của giấy chứng nhận trong quá trình cung cấp dịch vụ tin cậy.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-VinaPhone nghiên cứu thực hiện.

**15. Thông tư số 22/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Sửa đổi 1:2024 QCVN 126:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G"**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Nội dung cụ thể của Thông tư số 22/2024/TT-BTTTT được đăng tải trên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn/> (chuyên mục “VBQPPL”)

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, Chất lượng (Tập đoàn), VNPT-Net nghiên cứu thực hiện.

**16. Thông tư số 28/2025/TT-BKHCN ngày 04/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết Điều 8 của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy (*nội dung chi tiết của Thông tư được đăng tải trên website: <https://Thuvienquydingh.vnpt.vn>*), bao gồm:

- Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.
- Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số cho dịch vụ cấp dấu thời gian tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.
- Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.
- Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số công cộng tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.
- Thông tin về các chứng thư chữ ký số gốc tin cậy tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này.

#### Đối tượng áp dụng

- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.
- Tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy.
- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài đề nghị công nhận tại Việt Nam.
- Tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số, giải pháp cho dịch vụ tin cậy.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến chữ ký số và dịch vụ tin cậy.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), VNPT-IT nghiên cứu thực hiện.

**17. Thông tư số 30/2025/TT-BKHCN ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và hoạt động đào tạo**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp công nghệ số về tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu, bao gồm:

- Tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Công nghiệp công nghệ số;

- Tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Luật Công nghiệp công nghệ số.

Đối tượng áp dụng

Tổ chức, doanh nghiệp tham gia và có liên quan đến hoạt động nhập khẩu dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn.

Tiêu chí đối với thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu

Thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được phép nhập khẩu khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Không thuộc Danh mục máy móc, thiết bị, công cụ đã qua sử dụng, lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường do nước xuất khẩu công bố.

- Công nghệ của máy móc, thiết bị, công cụ không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao, hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Được sản xuất theo tiêu chuẩn:

+ Phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

+ Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) liên quan đến thiết bị, máy móc, công cụ nhập khẩu, thì thiết bị, máy móc, công cụ phải được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

+ Tuổi thiết bị (thời gian tính theo năm được xác định từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu của máy móc, thiết bị, công cụ đã qua sử dụng) không vượt quá 20 năm. Năm nhập khẩu là năm hàng hóa về đến cửa khẩu Việt Nam.

+ Đối với trường hợp máy móc, thiết bị, công cụ được nhập khẩu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Công nghiệp công nghệ số không phải áp dụng các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-Media nghiên cứu thực hiện.

### ***18. Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm***

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### **Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm**

Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm được rà soát, cập nhật, bổ sung trong từng thời kỳ phù hợp với yêu cầu quản lý của các ngành, lĩnh vực (*nội dung chi tiết của Thông tư được đăng tải trên website: <https://Thuvienquydingh.vnpt.vn>*).

### Đối tượng áp dụng

Thông tư áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

### Điều khoản chuyên tiếp

Các dự án đầu tư nghiên cứu - phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm được tiếp tục hưởng chính sách ưu đãi, ưu tiên đầu tư nghiên cứu - phát triển, sản xuất cho đến hết thời hạn của dự án.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-VinaPhone, VNPT-Media, Focal nghiên cứu thực hiện.

**19. Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ngày 15/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển**

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Danh mục được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam và yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực trong từng thời kỳ (*nội dung cụ thể của Thông tư được đăng tải trên website <https://thuvienquy dinh.vnpt.vn>*).

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ (Tập đoàn) nghiên cứu thực hiện.

**20. Thông tư số 33/2025/TT-BKHCN ngày 15/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

### Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định chi tiết khoản 5 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số về tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

### Đối tượng áp dụng

Thông tư áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan đến dự án sản xuất thiết bị điện tử tại Việt Nam.

### Tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử<sup>1</sup> được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Tiêu chí sử dụng các sản phẩm chip bán dẫn được thiết kế, sản xuất hoặc đóng gói, kiểm thử tại Việt Nam trong các sản phẩm của dự án sản xuất thiết bị điện tử, đáp ứng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Sử dụng sản phẩm chip bán dẫn có thiết kế thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam. Trong đó, quyền sở hữu được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế hoặc mua thiết kế đó từ các chủ thể khác.

+ Sử dụng sản phẩm chip bán dẫn được sản xuất hoặc đóng gói, kiểm thử tại nhà máy, dây chuyền ở Việt Nam.

- Tiêu chí về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp phải đáp ứng đồng thời hai nội dung sau:

+ Doanh nghiệp phải có bộ phận nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo với tối thiểu 10 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên. Trong đó có ít nhất 50% số nhân lực của bộ phận nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo là công dân Việt Nam.

---

<sup>1</sup> Dự án sản xuất thiết bị điện tử quy định tại Thông tư này là các dự án sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, thiết bị truyền thông thuộc mục C.26 (Sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học) của Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

+ Doanh nghiệp phải có tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt tối thiểu 2% doanh thu thuần bình quân trong 03 năm tài chính liền kề hoặc từ 200 tỷ đồng Việt Nam/năm trở lên trong 03 năm tài chính liền kề; trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 03 năm thì tính bình quân trên toàn bộ thời gian hoạt động kể từ khi thành lập, nhưng không ít hơn 01 năm tài chính đầy đủ.

- Sản phẩm của dự án sản xuất thiết bị điện tử tại Việt Nam có thiết kế (bao gồm đặc tả yêu cầu, kiến trúc hệ thống, thiết kế chi tiết, sơ đồ nguyên lý, bố trí mạch in và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của chính doanh nghiệp. Trong đó, quyền sở hữu được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế hoặc mua thiết kế đó từ các chủ thể khác.

- Tiêu chí về phát triển chuỗi cung ứng trong nước và chuyển giao công nghệ:

+ Có tối thiểu 30% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp nguyên liệu, vật tư, linh kiện, dịch vụ để phục vụ trực tiếp dự án sản xuất thiết bị điện tử;

+ Thực hiện chuyển giao công nghệ cho tối thiểu 01 tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hình thức và nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, VNPT-IT nghiên cứu thực hiện.

***21. Thông tư số 34/2025/TT-BKHCN ngày 15/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm dịch vụ công nghệ số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước***

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng đồng thời các quy định sau:

- Sản phẩm công nghệ số được thiết kế và sở hữu, dịch vụ công nghệ số được sở hữu hoặc được quyền cung cấp bởi một trong các trường hợp sau:

+ Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam quy định tại Thông tư này là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam; và không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c<sup>2</sup> khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư. Trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định mới được ban hành.

+ Cá nhân là người Việt Nam.

- Có phương án, cam kết về hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, bảo trì, nâng cấp và các dịch vụ hậu mãi.

- Đáp ứng quy định cụ thể tương ứng với từng loại sản phẩm công nghệ số phần cứng, phần mềm được hưởng ưu đãi.

#### Quy định cụ thể đối với sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi

- Sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi khi đáp ứng đồng thời các quy định sau:

+ Thiết kế sản phẩm phần cứng (bao gồm đặc tả yêu cầu, kiến trúc hệ thống, thiết kế chi tiết, sơ đồ nguyên lý, bố trí mạch in, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam. Trong đó, quyền sở hữu được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế hoặc mua thiết kế đó từ các chủ thể khác.

+ Nhãn hiệu gắn trên sản phẩm phần cứng phải thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam.

---

<sup>2</sup> Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư: a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

- Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với thiết kế phần cứng bằng một trong những tài liệu sau đây:

+ Bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp của Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

+ Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

+ Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu đối với các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với nhãn hiệu bằng một trong các tài liệu sau đây:

+ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp;

+ Quyết định chấp nhận bảo hộ đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại Việt Nam;

+ Tài liệu hợp pháp khác chứng minh quyền sở hữu nhãn hiệu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

#### Quy định cụ thể đối với sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi

- Sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi khi đáp ứng một trong các quy định sau:

+ Thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm (bao gồm kiến trúc, thiết kế chi tiết, mã nguồn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam. Trong đó, quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế, mã nguồn và sản phẩm phần mềm được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế, xây dựng mã nguồn hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế, xây dựng mã nguồn hoặc mua thiết kế, mã nguồn đó từ các chủ thể khác.

+ Thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm (bao gồm kiến trúc, thiết kế chi tiết, mã nguồn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) được phát triển dựa trên mã nguồn mở và do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân người Việt Nam sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc được khai thác hoặc sử dụng thiết kế, mã nguồn đó.

- Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với thiết kế, mã nguồn sản phẩm phần mềm bằng một trong những tài liệu sau đây:

+ Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

+ Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu, quyền khai thác, quyền sử dụng đối với các đối tượng của quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Phát triển thị trường, Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

### ***22. Thông tư số 40/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số thông tư do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành trong lĩnh vực viễn thông***

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/1/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Bãi bỏ toàn bộ các thông tư sau đây:

- Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

- Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

- Thông tư số 25/2015/TT-BTTTT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông.

- Thông tư số 21/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông.

- Thông tư số 30/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2015/TT-BTTTT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông.

### Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2026.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, Kế toán – Tài chính, Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn), VNPT-Net nghiên cứu.

**23. Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

### Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước, cũng như các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thông tư quy định chi tiết các nội dung chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm chi phí cho quản lý, tìm kiếm nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, và các hoạt động liên quan khác.

### Định mức chi và dự toán kinh phí

Các định mức chi được quy định là mức tối đa cho các nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quy định về định mức chi cho hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,...

### Tiêu chí và dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Thông tư cũng quy định tiêu chí xác định chuyên gia tư vấn độc lập và tổ chức tư vấn độc lập, cũng như việc xây dựng dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập để thực hiện các công việc liên quan đến quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc thuê chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định liên quan khác.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn), Trung tâm Nghiên cứu Phát triển, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

***24. Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Nhà nước.

Lập dự toán và quản lý ngân sách

Thông tư quy định chi tiết về việc lập dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các định mức xây dựng dự toán là tối đa và được áp dụng cho các chương trình, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách Nhà nước. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm quy định nội dung và mức chi cụ thể trong phạm vi quản lý của mình, phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách.

Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

Ngân sách Nhà nước trung ương và địa phương được phân bổ để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước có thể lên đến 100% cho các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản và một phần cho các nhiệm vụ khác như nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới

sáng tạo. Đối với các nhiệm vụ hợp tác quốc tế, mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 2,5 lần giá trị đóng góp của đối tác nước ngoài.

### Quy định về chi tiêu và quyết toán

Thông tư quy định chi tiết về các nội dung chi tiêu như thù lao cho các chức danh tham gia nhiệm vụ, chi phí mua nguyên liệu, thuê chuyên gia, và các dịch vụ thuê ngoài. Việc quyết toán kinh phí phải tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan. Các tổ chức chủ trì có trách nhiệm lập và nộp hồ sơ quyết toán đầy đủ cho cơ quan quản lý nhiệm vụ.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ, Chiến lược sản phẩm, Phát triển thị trường (Tập đoàn), Trung tâm Nghiên cứu Phát triển, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

### ***25. Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp***

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Yêu cầu xây dựng quy chế quản trị nội bộ và tổ chức kiểm soát nội bộ

Doanh nghiệp có trách nhiệm tự xây dựng quy chế quản trị nội bộ (hoặc các tài liệu tương đương) và tổ chức kiểm soát nội bộ nhằm phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân có liên quan đến việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

#### Phương pháp chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Thông tư số 99/2025/TT-BTC đã bổ sung quy định mới về phương pháp chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam tại khoản 3 Điều 6.

Theo đó, khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam, doanh nghiệp phải quy đổi các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán;

- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;

- Chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh trong từng kỳ được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ của khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;

- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá biên độ tỷ giá giao ngay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán (nếu lựa chọn)

#### Những trường hợp phải ban hành Quy chế hạch toán kế toán

Theo quy định Thông tư số 99/2025/TT-BTC, doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán (hoặc các tài liệu tương đương) trong các trường hợp:

- Khi thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung về biểu mẫu chứng từ kế toán theo khoản 2 Điều 9.

- Khi sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán theo khoản 2 Điều 11.

- Khi thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung về biểu mẫu sổ kế toán theo khoản 2 Điều 12.

- Khi bổ sung thêm các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo khoản 1 Điều 18.

#### Điều chỉnh một số nội dung của hệ thống tài khoản kế toán

### Thay đổi về Báo cáo tình hình tài chính

So với quy định tại Điều 100 Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại Điều 17 Thông tư số 99/2025/TT-BTC đổi “Bảng cân đối kế toán” thành “Báo cáo tình hình tài chính”. Hướng dẫn báo cáo tài chính tại phụ lục 2 Phụ lục IV có một số thay đổi như sau: Bổ sung mã số 124, 125, 126; Sửa đổi quy định về chỉ tiêu 134 - Tài sản ngắn hạn phát sinh từ hợp đồng; Thay đổi mã số chỉ tiêu...

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Văn phòng và Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

### ***26. Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thanh phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp***

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Quy định về tài sản cố định

Tài sản cố định được xác định dựa trên tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng và vật kiến trúc gắn liền với đất, không phân biệt giá trị và thời gian sử dụng để tính hao mòn. Các tài sản khác phải có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên và nguyên giá từ 10 triệu đồng trở lên.

#### Phân loại tài sản cố định

Tài sản cố định được phân loại theo tính chất, đặc điểm và nguồn gốc hình thành. Theo tính chất, tài sản cố định có thể là hữu hình, vô hình hoặc đặc thù. Theo nguồn gốc, tài sản có thể hình thành do mua sắm, đầu tư, điều chuyển, tặng cho, khuyến mại, hoặc từ các nguồn khác.

#### Nguyên tắc quản lý và tính hao mòn, khấu hao

Mọi tài sản cố định phải được quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị. Việc tính hao mòn được thực hiện mỗi năm một lần vào tháng 12. Đối với tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập, việc trích khấu hao được thực hiện theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp.

#### Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn

Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn của tài sản cố định hữu hình được quy định chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Thông tư. Đối với tài sản cố định vô hình, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn được quy định bởi cơ quan quản lý cấp trên.

#### Điều khoản chuyển tiếp

Thông tư cũng quy định các điều khoản chuyển tiếp cho tài sản cố định đã được theo dõi trên sổ kế toán trước khi Thông tư có hiệu lực. Các tài sản này sẽ được điều chỉnh mức hao mòn hằng năm từ năm tài chính 2026 theo quy định mới.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Kế toán Tài chính, Văn phòng (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.